

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DH
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST

Ngày: 21 – 4 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DH, TỈNH BL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh BL tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TCN

Trụ sở: 128 đường ND, phường BT, thành phố V, tỉnh NA.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KN- Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1984. Địa chỉ liên hệ: Số 109/4, đường TP, K2, P7, thành phố BL, tỉnh BL. Theo văn bản ủy quyền số 224/2024/UQ-SVN ngày 15/5/2024.

Ông Huỳnh Văn L ủy quyền lại cho ông Đặng Văn B, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp KL, xã TT, thị xã GR, tỉnh BL. Theo văn bản ủy quyền số 304/2024/UQ-SVN ngày 01/10/2024. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị NH, sinh ngày 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TH, xã LDT, huyện DH, tỉnh BL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 3 năm 2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Văn B, trình bày: Ngày 02/12/2023, chị Nguyễn Thị NH ký Hợp đồng cầm cố số GRM231201001NA21X với Công ty TCN - Chi nhánh Giá Rai - Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty) để cầm cố 01 xe mô tô biển kiểm soát 94B1-545.80; nhãn hiệu: Honda; Số loại: WAVE RSX FI, số khung RLHJA3855MY127224, số máy: JA52E0284848, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 94004318 do công an huyện DH, tỉnh BL cấp ngày 24/11/2021 để cầm cố với số tiền 8.630.000 đồng, thời hạn 12 tháng (từ ngày 02/12/2023 đến ngày 02/12/2024); mục đích cầm cố để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, giải ngân ngày 02 tháng 12 năm 2023, hàng tháng thanh toán số tiền 796,135.25 đồng vào ngày ký hợp đồng hàng tháng, từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024; lãi suất trong hạn 1.1% số tiền cầm cố/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn; phí trả chậm bằng 150% lãi suất trong hạn và phí thẩm định tài sản; phí quản lý hồ sơ 0.5%/tháng trên số dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; phí tất toán hợp đồng trước hạn 7% nợ gốc chưa thanh toán; chi phí tố tụng 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 431.500 đồng/tháng.

Do nhu cầu đi lại phục vụ công việc, ngày 02/12/2023, chị NH đã có đơn gửi Công ty mượn lại chiếc xe đã cầm cố nêu trên. Thời gian mượn là 01 tháng, kể từ ngày 02/12/2023 đến ngày 02/01/2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, chị NH chưa thanh toán cho Công ty bất kỳ khoản tiền nào nên đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe cùng ngày 02/12/2023. Do đó, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị NH thanh toán tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 03/7/2024 là 15.243.128 đồng; trong đó, tiền nợ gốc là 8.630.000 đồng; tiền lãi trong hạn 579.073 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe: 2.632.150 đồng; tiền lãi quá hạn 289.537 đồng; phí quản lý hồ sơ 263.215 đồng; phí trả chậm: 682.553 đồng; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 690.400 đồng; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 265.756 đồng; chi phí tố tụng 1.210.444 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 04/7/2024 đến khi chị NH thanh toán xong nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi quá hạn 289.537 đồng; phí quản lý hồ sơ 263.215 đồng; phí trả chậm: 682.553 đồng; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 690.400 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe: 2.632.150 đồng; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 265.756 đồng; chi phí tố tụng 1.210.444 đồng; tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 04/7/2024 phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày thanh toán xong nợ và rút yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị NH thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô 01 xe mô tô

biển kiểm soát 94B1-545.80; nhãn hiệu: Honda; Số loại: WAVE RSX FI, số khung RLHJA3855MY127224, số máy: JA52E0284848, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 94004318 do công an huyện DH, tỉnh BL cấp ngày 24/11/2021 theo cam kết giấy mượn xe ngày 02 tháng 12 năm 2023.

Nay Công ty chỉ yêu cầu chị NH thanh toán cho Công ty số tiền nợ tạm tính đến ngày 03/7/2024 là 9.209.073 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 8.630.000 đồng; tiền lãi trong hạn 579.073 đồng.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị NH: Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập chị NH đến Tòa án, nhưng chị NH không đến Tòa án làm việc, không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của chị NH đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện DH phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát chưa phát hiện vi phạm thủ tục tố tụng. Công ty đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị NH chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu chị NH thanh toán số tiền lãi quá hạn 289.537 đồng; phí quản lý hồ sơ 263.215 đồng; phí trả chậm: 682.553 đồng; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 690.400 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe: 2.632.150 đồng; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 265.756 đồng; chi phí tố tụng 1.210.444 đồng; tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 04/7/2024 phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày thanh toán xong nợ và rút yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị NH thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô 01 xe mô tô biển kiểm soát 94B1-545.80; nhãn hiệu: Honda; Số loại: WAVE RSX FI, số khung RLHJA3855MY127224, số máy: JA52E0284848, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 94004318 do công an huyện DH, tỉnh BL cấp ngày 24/11/2021 theo cam kết giấy mượn xe ngày 02 tháng 12 năm 2023.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với chị Nguyễn Thị NH về việc yêu cầu chị NH thanh toán cho Công ty số tiền nợ tạm tính đến ngày 03/7/2024 là 9.209.073 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 8.630.000 đồng; tiền lãi trong

hạn 579.073 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị NH phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Công ty TCN (sau đây viết tắt là Công ty) khởi kiện yêu cầu chị NH thanh toán số tiền cầm cố tài sản và mượn tài sản còn nợ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309 Bộ luật Dân sự. Khi Công ty nộp đơn khởi kiện, chị NH có địa chỉ cư trú tại ấp TH, xã LDT, huyện DH, tỉnh BL nên vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Đặng Văn B là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị NH là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Ngày 20/3/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị NH thanh toán số tiền lãi quá hạn 289.537 đồng; phí quản lý hồ sơ 263.215 đồng; phí trả chậm: 682.553 đồng; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 690.400 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe: 2.632.150 đồng; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 265.756 đồng; chi phí tố tụng 1.210.444 đồng; tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 04/7/2024 phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày thanh toán xong nợ và rút yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị NH thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô 01 xe mô tô biển kiểm soát 94B1-545.80; nhãn hiệu: Honda; Số loại: WAVE RSX FI, số khung RLHJA3855MY127224, số máy: JA52E0284848, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 94004318 do công an huyện DH, tỉnh BL cấp ngày 24/11/2021 theo cam kết giấy mượn xe ngày 02 tháng 12 năm 2023.

Xét thấy, việc Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của Công ty đối với chị NH.

[4] Nay Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị NH thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 03/7/2024 là 9.209.073 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 8.630.000 đồng; tiền lãi trong hạn 579.073 đồng.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đề ngày 02/12/2023 giữa Công ty với chị NH. Xét thấy, chị NH đã tự

nguyên thỏa thuận giao kết và ký kết hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe với Công ty nên có căn cứ xác định giữa Công ty và chị NH có phát sinh giao dịch cầm cố tài sản và mượn tài sản với nhau đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94B1-545.80; nhãn hiệu: Honda; Số loại: WAVE RSX FI, số khung RLHJA3855MY127224, số máy: JA52E0284848 là phù hợp với khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị NH không thanh toán bất kỳ khoản tiền gốc, lãi nào cho Công ty nên đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng và quy định tại khoản 3 Điều 311 Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với chị NH là phù hợp với quy định tại các điều 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Buộc chị NH có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 03/7/2024 là 9.209.073 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 8.630.000 đồng; tiền lãi trong hạn 579.073 đồng.

Do chị NH phải trả lại tiền cho Công ty nên buộc Công ty có nghĩa vụ trả bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho chị NH sau khi chị NH thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty là phù hợp theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Công ty khởi kiện yêu cầu chị NH thanh toán tiền cầm cố tài sản, tiền lãi, phí được các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe cùng ngày 02/12/2023 được Tòa án chấp nhận nên chị Nguyễn Thị NH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 5% trên số tiền phải thanh toán cho Công ty, cụ thể: $9.209.073 \text{ đồng} \times 5\% = 460.454 \text{ đồng}$.

Công ty không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 381.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010765 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh BL.

[6] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 309, 310, 311, 314, 322, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TCN đối với chị Nguyễn Thị NH về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị NH phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty

TCN số tiền tạm tính đến ngày 03/7/2024 là 9.209.073 đồng (chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn không trăm bảy mươi ba đồng), trong đó, tiền nợ gốc là 8.630.000 đồng (tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), tiền lãi trong hạn 579.073 đồng (năm trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bảy mươi ba đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị NH phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TCN số tiền tạm tính đến ngày 03/7/2024 là 9.209.073 đồng (chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn không trăm bảy mươi ba đồng), trong đó, tiền nợ gốc là 8.630.000 đồng (tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), tiền lãi trong hạn 579.073 đồng (năm trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bảy mươi ba đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TCN đối với chị Nguyễn Thị NH về việc yêu cầu chị NH thực hiện nghĩa vụ trả cho Công ty TCN số tiền lãi quá hạn 289.537 đồng; phí quản lý hồ sơ 263.215 đồng; phí trả chậm: 682.553 đồng; phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 690.400 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe: 2.632.150 đồng; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 265.756 đồng; chi phí tố tụng 1.210.444 đồng; tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 04/7/2024 phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày thanh toán xong nợ và rút yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị NH thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô 01 xe mô tô biển kiểm soát 94B1-545.80; nhãn hiệu: Honda; Số loại: WAVE RSX FI, số khung RLHJA3855MY127224, số máy: JA52E0284848, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 94004318 do công an huyện DH, tỉnh BL cấp ngày 24/11/2021 theo cam kết giấy mượn xe ngày 02 tháng 12 năm 2023.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Buộc Công ty TCN có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị NH bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 94004318 do Công an huyện DH, tỉnh BL cấp ngày 21/11/2021 sau khi chị Nguyễn Thị NH thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho Công ty TCN.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Thị NH phải nộp 460.454 đồng (bốn trăm sáu mươi nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh BL. Trả lại cho Công ty TCN tiền tạm ứng án phí đã nộp 381.000 đồng (ba trăm tám mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010765 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh BL.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của Công ty TCN, chị Nguyễn Thị NH vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện DH;
- Chi cục THADS huyện DH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Ngọc Nhiều